

Số: /PA - UBND

Cẩm Bình, ngày tháng năm 2022

**PHƯƠNG ÁN
SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2022 – 2023**

Thực hiện Phương án số: 214/PA-UBND ngày 29/11/2022 của UBND huyện Cẩm Thủy về việc giao chỉ tiêu diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng vụ Đông Xuân năm 2022 - 2023.

Căn cứ về điều kiện đất đai và tiểu vùng khí hậu của địa phương, UBND xã xây dựng Phương án sản xuất vụ Đông Xuân năm 2022 - 2023 cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2022**

Thời tiết vụ Đông xuân năm 2021-2022 có nhiều thuận lợi cho sản xuất, đầu vụ không xảy ra rét đậm, rét hại; lượng mưa phân bố khá đều trong cả vụ, nguồn nước phục vụ sản xuất đảm bảo, không xảy ra hiện tượng hạn hán. Tuy nhiên cuối vụ xuân (khi lúa trổ) có nhiều loại sâu, bệnh xuất hiện như: bệnh đạo ôn, bạc lá, khô đở đầu lá đã gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia của MTTQ, các đoàn thể chính trị xã hội từ xã đến thôn và sự tham mưu kịp thời của các cán bộ chuyên môn, sự nỗ lực của bà con nông dân trong toàn xã, nên vụ Đông xuân năm 2021-2022 đã hạn chế được thiệt hại và giành thắng lợi nhất định.

1. Thuận lợi

- Sản xuất nông nghiệp nói chung và lĩnh vực trồng trọt nói riêng tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp.
- Nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất từ Trung ương, tỉnh, huyện tiếp tục được triển khai, thực hiện.
- Các loại dịch vụ đầu vào được đáp ứng kịp thời với chất lượng tốt, các loại dịch vụ đầu ra ở một số loại sản phẩm đã được hình thành và đang được nhân rộng.
- Cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh như: Sửa chữa nâng cấp hồ, đập; kiên cố hóa kênh mương, đường nội đồng; tái tạo đồng ruộng vv...
- Một số mô hình cho hiệu quả kinh tế cao, ổn định là cơ sở để chỉ đạo ở các vụ tiếp theo.
- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh; cơ giới hoá trong sản xuất tiếp tục được nhân rộng trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu sản xuất trồng trọt các vụ trong năm.

2. Khó khăn

- Biến đổi khí hậu và diễn biến thời tiết bất thường tiếp tục gây khó khăn cho sản xuất trồng trọt; thị trường tiêu thụ khó khăn và giá các loại nông sản vẫn ở mức thấp ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư thâm canh của bà con nông dân đối với sản xuất trồng trọt.

- Diện tích sản xuất các loại cây trồng nói chung hầu hết là nhỏ lẻ, manh mún, lao động trong nông nghiệp thiếu hụt, nhất là vào các thời điểm làm đất, gieo trồng cũng gây nhiều khó khăn cho sản xuất trồng trọt. Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với sự tham gia của doanh nghiệp, áp dụng sản xuất an toàn còn yếu và thiếu đã tác động đến tâm lý và sự tham gia của người dân. Quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, cùng với tâm lý giữ đất, bảo thủ của người dân tác động đến việc mở rộng và phát triển các mô hình sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn, công nghệ cao.

- Sâu bệnh hại cây trồng diễn biến phức tạp, đa dạng, đa thực; nhất là bệnh lùn sọc đen phương Nam, đạo ôn cổ bông, sâu đục thân, rầy nâu, trên cây lúa; sâu keo mùa thu gây hại cây ngô đã và đang gây hại trên địa bàn huyện nói chung và xã Cẩm Bình nói riêng gây hại trên một số giống chủ lực.

3. Kết quả sản xuất:

Tổng diện tích gieo trồng: $963,5\text{ha}/\text{KH } 975\text{ha} = 100,2\%\text{KH} = 96,7\%$ so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực $3.722,5 \text{ tấn}/\text{KH } 3.182,5 \text{ tấn} = 117\%\text{KH} = 92,3\%$ so với cùng kỳ. Trong đó:

+ Cây lúa: $431,2\text{ha}/\text{KH } 430 \text{ ha} = 100,3\%\text{KH}$. Sản lượng = $2.653,7 \text{ tấn}/\text{KH } 2.365 \text{ tấn}$. Năng suất đạt $61,5 \text{ tạ}/\text{ha}$.

+ Cây ngô: $205,5 \text{ ha}/\text{KH } 200 \text{ ha} = 102,7\%\text{KH}$. Sản lượng $1.069,5 \text{ tấn}/\text{KH } 817,5 \text{ tấn}$, năng suất $52 \text{ tạ}/\text{ha}$.

+ Cây mía: $195 \text{ ha}/\text{KH } 195\text{ha} = 100\%\text{KH}$. Trong đó: 190 ha mía nguyên liệu; mía ép nước , mía đồ là $5,0\text{ha}$.

+ Cây gai xanh $3,5\text{ha}/24,0\text{ha} = 15\%\text{KH}$ (*Chỉ tiêu của huyện giao còn $24,0\text{ha}$*)

+ Rau màu và các loại cây trồng khác $128,3\text{ha}$. Trong đó: $50,2 \text{ ha}$ rau các loại ($7,3\text{ha}$ sản xuất rau theo hướng CN cao tại thôn Hạc Sơn); Khoai lang $15,3\text{ha}$; đậu các loại $5,0\text{ha}$; dong riềng $20,0 \text{ ha}$; lạc $6,2\text{ha}$; vừng $5,0\text{ha}$; cây trồng khác $26,6\text{ha}$.

4. Đánh giá một số nét nổi bật trong sản xuất vụ Đông xuân năm 2022:

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất gắn với triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt tiếp tục thu được kết quả, hiệu quả.

**. Thực hiện cơ cấu mùa vụ gắn với đổi mới cơ cấu giống tiếp tục được triển khai thực hiện khá toàn diện:*

- Mở rộng diện tích lúa xuân muộn. Cơ cấu giống tiếp tục được đổi mới với các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Ngoài lúa, các loại cây trồng khác cũng có sự chuyển dịch cơ bản, giống năng suất, chất lượng cao, được bố trí ở chân đất phù hợp với điều kiện đất đai từng đơn vị.

- Cơ cấu cây trồng chuyển đổi theo hướng tăng diện tích các giống cây trồng có giá trị cao hơn, các cây trồng hàng hóa gắn với đầu ra sản phẩm tiếp tục đưa vào và nhân rộng (ngô ngọt, ngô TACN.....).

**. Chất lượng dịch vụ nông nghiệp tiếp tục được cải thiện:*

- Hệ thống dịch vụ giống cây trồng, phân bón, thuốc BVTV có chất lượng đảm bảo được cung ứng kịp thời, đáp ứng yêu cầu sản xuất. Thường xuyên được kiểm tra và chấn chỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh đưa cơ giới hóa vào sản xuất; như máy làm đất, máy cấy, máy bay phun thuốc BVTV; máy gặt đập liên hợp. Cơ bản diện tích đất được giải

phóng bằng máy; gặt bằng máy gặt đập liên hợp đạt 98,5% so với vụ xuân 2021. Các loại cây trồng khác cũng đẩy mạnh áp dụng đưa cơ giới hóa khâu làm đất.

- Dịch vụ nước phục vụ sản xuất đã được HTX dịch vụ nông nghiệp triển khai thực hiện đảm bảo nước cho gieo cấy và chăm sóc cây trồng.

**. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện sản xuất:*

Ngành nông nghiệp đã tham mưu cho UBND xã chỉ đạo các Thôn triển khai thực hiện nhiều biện pháp tích cực, có hiệu quả như: Chỉ đạo các biện pháp bảo vệ mạ đã gieo (che phủ nilon 100%); điều hành công tác dịch vụ nước chủ động, quyết liệt; nắm chắc diễn biến sâu bệnh và chỉ đạo phòng trừ có hiệu quả....

**. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất vụ Đông xuân năm 2022 vẫn còn những hạn chế, tồn tại cần phải khắc phục để chỉ đạo tốt hơn trong thời gian tới, đó là:*

- Một số Thôn chỉ đạo chưa đảm bảo theo lịch thời vụ chung của xã, một số đơn vị gieo cấy muộn hơn lịch thời vụ gây khó khăn cho công tác BVTV, tưới tiêu và ảnh hưởng đến năng suất.

- Việc chuyển đổi từ cây lúa sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn còn rất ít, một số Thôn đã chuyển đổi nhưng không thành vùng tập trung, chuyển cây trồng mới nhưng không có hợp đồng bao tiêu đầu ra; người dân tự chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa sang cây trồng khác không đúng quy định.

- Một bộ phận cán bộ và nhân dân còn mang tính chủ quan, chông chờ, không thực hiện theo thông báo, hướng dẫn của phòng chức năng và cán bộ chuyên môn. Đặc biệt là công tác **phòng trừ sâu, bệnh hại** cây trồng.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH, CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2022 - 2023

Trong sản xuất vụ Đông xuân năm 2022 - 2023 cần tập trung chỉ đạo và phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2022. Đồng thời có biện pháp khắc phục những khó khăn tồn tại về chủ quan và khách quan. Cần tập trung chỉ đạo tốt từ xã đến thôn, tận dụng tối đa mọi diện tích để tổ chức canh tác khép kín. Phát huy kinh nghiệm và tích cực ứng dụng các tiến bộ KHKT, thâm canh tăng năng suất cây trồng.

1. Tình hình thời tiết khí hậu, thủy văn, nguồn nước:

Theo nhận định của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, hiện tượng ENSO có khả năng tiếp tục duy trì ở trạng thái La Nina từ nay đến hết năm 2022 với xác suất khoảng 50-60%, khả năng La Nina kéo dài sang đầu năm 2023 là khoảng 20-30%. Vụ Xuân năm 2023 là năm nhuận “*nhuận 2 tháng Hai âm lịch*”

** Nhiệt độ và không khí lạnh:*

Tháng 11-12/2022 nhiệt độ trung bình phổ biến thấp hơn TBNN khoảng 0,5 - 1,0°C; Tháng 01- 03/2023 nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ. Không khí lạnh có khả năng hoạt động sớm và nền nhiệt các tháng đầu mùa Đông có khả năng thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

** Lượng mưa, dòng chảy:*

- Tháng 11/2022 và 03/2023, Tổng lượng mưa (TLM) phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 12/2022 và 01/2023, TLM phổ biến thấp hơn từ 10-30% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 02/2023, TLM phổ biến cao hơn từ 10-

40% so với TBNN cùng thời kỳ. Từ tháng 12/2022 - 03/2023, mực nước trên các sông khu vực biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Mực nước trên thượng lưu các sông chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện, mực nước trên hạ lưu các sông dao động theo thủy triều.

Như vậy, không khí lạnh có khả năng hoạt động sớm và nền nhiệt độ các tháng đầu mùa Đông ở các tỉnh miền Bắc có khả năng thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ; các đợt rét đậm, rét hại tập trung trong thời kỳ từ nửa cuối tháng 12/2022 đến hết tháng 01/2023. Có khả năng xuất hiện các hiện tượng rét đậm, rét hại và sương muối trong các tháng chính của mùa Đông 2022 - 2023; mưa ít và tình trạng thiếu hụt dòng chảy, hạn có khả năng xuất hiện đầu vụ và cuối vụ, hạn cục bộ có thể xảy ra, nhất là một số vùng cuối kênh, vùng tưới bằng hồ đập và một số khu vực trạm bơm.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan: Mưa lớn, rét đậm cục bộ,... gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất.

2. Thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi

Năm 2023 là năm thứ ba của kế hoạch phát triển sản xuất trồng trọt giai đoạn 2021-2025, ngành Nông nghiệp cùng với các ngành, các thôn phần đầu hoàn thành các mục tiêu đề ra góp phần cùng toàn xã thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội. Để hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2022-2023 cần sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp; sự tham gia của các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, của bà con nông dân và các doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp.

Các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của Trung ương, tỉnh và huyện là động lực cho nông dân và doanh nghiệp đầu tư, liên kết sản xuất phát triển.

Các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, giống cây trồng mới, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất tiếp tục được ứng dụng nhanh trên địa bàn.

Công tác quản lý giống, phân bón, thuốc BVTV và đảm bảo an toàn thực phẩm của các cấp, các ngành đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý chỉ đạo.

- Khó khăn

Thiên tai, biến đổi khí hậu, sâu bệnh tiềm ẩn nguy cơ khó lường, phát sinh trái quy luật trong khi năng lực ứng dụng khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu phát triển, doanh nghiệp nông nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trình độ lao động thấp,... là những yếu tố không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Giá các loại vật tư phân bón, giá xăng dầu, giá công lao động tăng cao dẫn đến chi phí sản xuất lớn trong khi đó giá nông sản không ổn định. Mặt khác việc tiêu thụ nông sản chủ yếu vẫn thông qua tư thương, liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo hợp đồng với các doanh nghiệp lớn còn ít và chưa thực sự bền vững. Khả năng đầu tư vào sản xuất trồng trọt bị hạn chế. Bên cạnh đó quy mô sản xuất nhỏ lẻ cũng ảnh hưởng đến đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ bị hạn chế.

3. Mục tiêu:

Diện tích gieo trồng: 950,0 ha; Sản lượng lương thực 3.158,0 tấn.

Đơn vị tính: DT: ha; NS: tạ/ha; SL: tấn

TT	Cây trồng	Diện tích	Năng suất	Sản lượng	Ghi chú
----	-----------	-----------	-----------	-----------	---------

1	Lúa Đông xuân	430,0	56,0	2.408,0	
	<i>Tr.đỏ: Lúa lai</i>	258,0	58,0	1.496,4	
	<i>Lúa thuần</i>	172,0	53,0	911,6	
2	Ngô xuân	200,0			
2.1	<i>Ngô lấy hạt</i>	150,0	50,0	750,0	
2.2	<i>Ngô làm TACN</i>	40,0	300,0	1.200,0	
2.3	<i>Ngô ngọt</i>	10,0	130,0	130,0	
3	Khoai lang	15,0	50,0	75,0	
4	Sắn	20,0	180,0	360,0	
5	Lạc	6,0	12,0	7,2	
6	Vừng	5,0	8,0	4,0	
7	Đậu tương	4,0	12,0	5,4	
8	Rau, đậu các loại	50,0	50,0	250,0	
9	Mía	195,0	700,0		
9.1	<i>Mía nguyên liệu</i>	190,0	750,0	14.250,0	
9.2	<i>Mía ép nước, mía đỏ</i>	5,0	600,0	300,0	
10	Dong riềng	20,0	620,0	1.240,0	
11	Cây trồng khác	5,0			
Cộng		950,0			

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

4. Bố trí cơ cấu giống cây trồng và thời vụ hợp lý.

*** Đối với cây lúa:**

Vụ Đông Xuân 2022-2023, Đại Hàn vào ngày 21/01/2023 (tức 30/12 Âm lịch), Lập Xuân vào ngày 04/02/2023 (tức ngày 14/01 Âm lịch). Theo nhận định của Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, vụ Đông Xuân 2022-2023 nền nhiệt trung bình có xu hướng thấp hơn so với mùa Đông năm 2021-2022 từ 0,5-1⁰C; tập trung từ tháng 12/2022 đến đầu tháng 02/2023, trùng với thời điểm bắt đầu gieo trồng; dẫn đến lúa có thể kéo dài thời gian sinh trưởng từ 3-5 ngày (nhóm giống dưới 135 ngày) và từ 7-10 ngày cho các giống có thời gian sinh trưởng trên 135 ngày. Mặt khác qua theo dõi nhiều năm cho thấy khi rét sớm sớm sẽ dẫn đến nắng nóng cũng sẽ xuất hiện sớm; Ngoài ra thời điểm xuống đồng sản xuất cũng là thời điểm nhân dân đón Tết Nguyên đán Quý Mão. Lấy mốc thời điểm lúa trổ an toàn từ 25/4-05/5 (trong đó lúa trổ tập trung từ 25/4 đến 30/4), để làm căn cứ tính thời điểm gieo mạ phù hợp cho từng giống và từng trà lúa của đơn vị mình. Trong cùng một trà lúa, giống có thời gian sinh trưởng dài bố trí đầu khung thời vụ, giống có thời gian sinh trưởng ngắn hơn bố trí giữa và cuối khung thời vụ. Hướng chung cần bố trí gọn từng trà, ở từng thôn, mỗi trà tập trung gieo mạ trong khoảng 5-7 ngày.

UBND xã khuyến cáo các thôn sử dụng các giống lúa theo các nhóm giống sau đây:

+ Nhóm giống lúa lai, năng suất cao, chất lượng khá: Thái Xuyên 111; MHC2; CT16; Thực Hưng 6; Thụy Hương 308 ...

+ Nhóm giống lúa thuần, chất lượng cao, chất lượng khá: TBR225; TBR45; Đài Thơm 8; Bắc Thơm 7; VNR 20; Khang dân; Q5; Hà Phát 3 và các giống lúa nếp.

*** Đối với cây ngô:** Lựa chọn các giống có năng suất và chất lượng cao, kháng sâu bệnh; những giống có hàm lượng dinh dưỡng cao, sinh khối lớn làm

thức ăn chăn nuôi; giống ngô thực phẩm (ngô ngọt, ngô nếp,...) nhằm nâng cao chuỗi giá trị gia tăng trong sản xuất. Gieo trồng ngô trên chân đất chuyên màu, đất bãi, đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng ngô, tranh thủ độ ẩm đất để gieo trồng ngô, thời vụ gieo kết thúc trước ngày 15/02 (tốt nhất xung quanh tiết Lập xuân, khi đất đủ ẩm) bằng các loại giống: PSC747, PSC102, CP501S, CP3Q, CP111, NK4300; CP333, NK4300BT/GT, NK66BT/GT, DK9955S, DK6919S; ngô nếp: HN68, HN88, HN90

* Khuyến cáo nhân dân dùng giống Ngô biến đổi Gen có tên cuối cùng có đuôi (BT/Gt hoặc đuôi S) chống chịu tốt với sâu keo mùa Thu như: DK9955S NK4300BT/GT, NK66BT/GT, DK6919S.

* **Đối với cây rau màu:** Lựa chọn các giống cây trồng thích hợp với từng vùng, từng đơn vị, có thị trường tiêu thụ để mở rộng diện tích như ớt, khoai tây, rau an toàn, hoa, cây thức ăn gia súc, ... đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc bố trí các cây màu trên đất trồng lúa được chuyển đổi. Những nơi khó khăn về nước tưới cần tranh thủ thời tiết có mưa, đất đủ ẩm để gieo trồng, chăm sóc và linh hoạt các hình thức tưới có hiệu quả cho cây trồng.

(Cơ cấu và thời vụ các giống cây trồng chủ lực có lịch gieo trồng kèm theo)

5. Một số giải pháp chủ yếu:

5.1. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất:

- Xây dựng phương án sản xuất vụ Đông xuân gắn với các vụ khác trong năm để tạo thành chuỗi luân canh hợp lý. Tăng cường hợp tác liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa các hộ sản xuất với hợp tác xã và các doanh nghiệp.

- Lựa chọn và sử dụng bộ giống lúa thích hợp cho từng xứ đồng, chỉ đạo nông dân cấy tập trung 1-2 giống cùng trà theo vùng, khu, xứ đồng; mỗi thôn chỉ nên bố trí không quá 3 loại giống để thuận lợi cho việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

- Mở rộng diện tích trà xuân muộn trên 80%. Gieo cấy trên 80% diện tích vụ Đông xuân bằng các giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt; 40% diện tích bằng các giống lúa thuần năng suất khá, chất lượng gạo ngon.

- Cây ngô lấy hạt: Đảm bảo diện tích ngô lai đơn chiếm trên 90%. Cây ngô ngọt; ngô làm TACN lựa chọn bộ giống tốt nhất để đưa vào sản xuất.

- Đối với các loại cây công nghiệp, cây nguyên liệu phục vụ chế biến:

+ Cây mía: Phối hợp chặt chẽ với các nhà máy mía đường để hình thành vùng thâm canh mía năng suất từ 80 tấn/ha trở lên.

+ Cây dong riềng: Chú trọng các giống lai có trữ lượng tinh bột cao để đưa vào sản xuất, nhằm mở rộng diện tích nâng cao hiệu quả kinh tế.

+ Cây sắn: Đảm bảo 85 - 90% diện tích được trồng bằng những giống sắn có năng suất, chất lượng cao như KM94, KM95....

+ Cây lạc, rau màu các loại: Tập trung sản xuất lạc, rau màu bằng các giống mới đủ tiêu chuẩn.

5.2. Giải pháp kỹ thuật:

5.2.1. Làm đất:

- Đối với đất lúa: Trừ diện tích đất đã sản xuất vụ Đông; 100% diện tích còn lại phải được **cày ải** (đối với chân đất vằn, vằn cao) và **làm dầm** (đối với chân đất

sâu, trũng); sử dụng vôi bột để bón trước; đồng thời vệ sinh đồng ruộng hạn chế nguồn dịch hại và tránh ngộ độc hữu cơ khi lúa mới cấy.

- Đối với ngô, cây công nghiệp (mía, sắn, dong riềng, cây gai xanh...): Đất có điều kiện cơ giới hóa phải thực hiện cơ giới hóa toàn bộ khâu làm đất tạo điều kiện thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao.

- Căn cứ vào hướng dẫn lịch thời vụ gieo trồng của xã, các thôn vận dụng vào tình hình thực tế của đơn vị để chỉ đạo nhân dân bố trí cây trồng trên từng trà, từng loại chân đất cho phù hợp; đảm bảo lúa phân hóa đồng và trổ gập thời tiết thích hợp; tránh rét muộn khi lúa trổ, tránh lụt tiểu mãn ở vùng đất thấp khi thu hoạch, đồng thời tạo thuận lợi quỹ đất cho việc gieo cấy trà lúa mùa sớm để có **quỹ đất** cho mở rộng sản xuất **vụ đông** trên đất 2 lúa, cụ thể:

Bố trí thời vụ gieo cấy phù hợp để lúa trổ từ 25/4 đến 05/5, trong đó trổ tập trung từ 25/4 đến 30/4. Không cấy vào những ngày trời rét đậm, nhiệt độ không khí dưới 15⁰C. Chỉ cấy khi mạ đã được luyện và đạt 4,5 - 5 lá.

5.2.2. Thủy lợi:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của thời tiết, khí hậu; chuẩn bị tốt các phương án chống rét đầu vụ Xuân và chống hạn, chống lụt tiểu mãn cuối vụ Đông xuân năm 2023.

- Giao HTX DV Hạc Sơn chịu trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thủy lợi với Trưởng thôn, đồng thời phối hợp với các thôn làm tốt công tác ra quân làm giao thông thủy lợi mùa khô, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, kiểm tra lại toàn bộ hệ thống tưới tiêu; có kế hoạch tu sửa, bảo dưỡng hệ thống kênh mương, bai đập, đang bị hư hỏng, xuống cấp nhằm chống thất thoát nguồn nước và vận hành tốt nhất; thực hiện tưới luân phiên, tưới tiết kiệm trên tất cả các hệ thống thủy lợi, ưu tiên vùng cuối kênh, vùng khó tưới trước.

- Giao HTX DV Hạc Sơn xây dựng lịch tưới tiêu hợp lý, lập văn bản với các thôn chốt lịch tưới cụ thể theo từng giai đoạn, thời kỳ sinh trưởng phát triển của cây trồng để đảm bảo tưới đúng, đủ nước đảm bảo năng suất, sản lượng cây trồng vụ Đông xuân năm 2022-2023 và đặt tiền đề cho sản xuất vụ Thu mùa, vụ Đông năm 2023.

5.2.3. Phòng trừ sâu, bệnh:

Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng; thực hiện tốt công tác dự tính dự báo; hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh kịp thời, hiệu quả và an toàn, không để sâu, bệnh phát sinh thành dịch gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

5.2.4. Cơ giới hóa đồng bộ:

Đẩy mạnh dịch vụ cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất các khâu như: Làm đất, thu hoạch bằng các loại máy như: Máy làm đất, máy cấy, máy gặt, máy tách hạt ngô...

5.2.5. Xây dựng và phát triển các mô hình sản xuất:

- Quy hoạch lại các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh có quy mô lớn, tạo điều kiện áp dụng máy móc, cơ giới hóa, công nghệ, tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

- Xây dựng mô hình: Như sử dụng phân bón qua lá giàu hàm lượng Kali phun cho lúa trước khi trổ từ 7 - 10 ngày để đảm bảo số hạt chắc trên bông.

5.2.6. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp, tổ chức liên kết trong sản xuất:

Mở rộng các hình thức dịch vụ của hợp tác xã, nhóm hộ nông dân trong việc cung ứng giống, phân bón, thuốc BVTV, làm đất, tưới tiêu, thu hoạch, tiêu thụ nông sản... đảm bảo chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, tăng hiệu quả sản xuất theo chỉ tiêu, tiêu chí XD xã NTM nâng cao.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sản xuất ngành trồng trọt năm 2023 là năm thứ 3 thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa XXVIII nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra. Tiếp tục triển khai chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 16 theo hướng xây dựng nền nông nghiệp giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi sản xuất vụ Đông xuân năm 2022-2023. UBND xã xây dựng kế hoạch, đồng thời giao chỉ tiêu sản xuất cho từng thôn trên cơ sở quy hoạch đất đai của đơn vị, kiện toàn Ban chỉ đạo sản xuất năm 2023, phân công các thành viên trực tiếp chỉ đạo các thôn.

Yêu cầu các thôn quán triệt quan điểm chỉ đạo sản xuất năm 2023; Tuyên truyền đến mọi người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của sản xuất ngành nông nghiệp, tập trung tuyên truyền về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tận dụng các loại quỹ đất, cải tạo vườn tạp trồng cây gai xanh, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống, hình thành các vùng sản xuất chính tập trung có năng suất, chất lượng cao, sản phẩm hàng hoá đủ lớn gắn với thị trường tiêu thụ để đạt hiệu quả kinh tế.

Trên cơ sở kế hoạch, chỉ tiêu của UBND xã đã giao, các đơn vị lập kế hoạch sản xuất chi tiết, quy hoạch, quy vùng cho từng loại cây trồng, phù hợp với đất đai và chế độ thủy lợi tạo tiền đề cho sản xuất vụ Đông xuân năm 2022 - 2023.

UBND xã đề nghị Mặt trận tổ quốc và các ban, ngành đoàn thể xã được Ban thường vụ Đảng uỷ phân công chỉ đạo cơ sở và các cán bộ chuyên môn; với chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung thời gian chỉ đạo, giúp thôn xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện để giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất và sản lượng trong sản xuất vụ Đông xuân năm 2022 - 2023 đạt hiệu quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Phòng NN&PTNT (B/c)
- TT ĐU-TT HĐND (B/c)
- Trường ban, ngành cấp xã (T/h)
- Thành viên BCĐ SX 2023(T/h).
- 11 thôn(T/h).
- HTX DV NN (T/h)
- Lưu VP - TK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Đức

Phụ lục 02: HƯỚNG DẪN LỊCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ LOẠI CÂY TRỒNG CHÍNH VỤ ĐÔNG XUÂN 2022 - 2023

(Kèm theo Phương án số: /PA-UBND, ngày /12/2022 của UBND xã Cẩm Bình)

Cây trồng	Chân đất, nhóm giống	Tên giống cây trồng	Ngày gieo mạ	Ngày cấy	Dự kiến thời gian thu hoạch	Đơn vị	Tuổi mạ (số lá)
Lúa	- Trà Xuân muộn: chân đất vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; Nhóm giống lúa lai chất lượng cao. - Trà Xuân muộn: chân đất vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; Nhóm giống lúa thuần chất lượng cao.	+ Giống lúa lai: CT16; Thái Xuyên 111, MHC2, Thục Hưng 6, Thụy Hương 308 + Giống lúa thuần: TBR225, TBR45, Đài thơm 8; Bắc thơm 7; VNR 20, Q5; Hà Phát 3 + Giống lúa nếp các loại như: Nếp hương, DT52...	10/01/2023	27/01/2023	15/5 – 20/5/2023	T. Chợ;	3 - 3,5
			10/01/2023	25/01/2023	15/5 – 20/5/2023	T. Xanh;	
			12/01/2023	25/01/2023	15/5 – 20/5/2023	Bình Hòa 1;	
			08/01/2023	25/01/2023	15/5 – 20/5/2023	T. Tô;	
			12/01/2023	26/01/2023	15/5 – 20/5/2023	T. Bình Sơn	
			14/01/2023	29/01/2023	18/5 – 25/5/2023	T. Bình Hòa 3	
			12/01/2023	26/01/2023	20/5 – 25/5/2023	Thôn Sẻ	
			14/01/2023	25/01/2023	22/5 – 28/5/2023	T. Vinh(<i>Trạm bơm</i>)	
			16/01/2023	02/02/2023	25/5 – 30/5/2023	T. Bình Hòa 5	
			13/01/2023	28/01/2023	22/5 – 28/5/2023	T. Hạc Sơn (L. Sỏ)	
			14/01/2023	29/01/2023	22/5 – 28/5/2023	T. Hạc Sơn(L. Sầm)	
			16/01/2023	30/01/2023	25/5 – 30/5/2023	T. Vinh (<i>Tự chảy</i>)	
Ngô	Đất đồi thấp	PSC747, PSC102, NK4300BT/GT, NK6253, NK66BT/GT, PAC139, CP112; DK9955S	05/02/2023-15/02/2023				Gieo hạt
	Đất chuyên màu, đất bãi, đất trồng lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng ngô	PSC102, PSC747, P4554, NK4300BT/GT, NK66BT/GT, NK6253, B06, DK9955S DK6919S, ngô nếp: TBM18, HN68, HN88,	05/02/2023-15/02/2023				Gieo hạt
Lạc	Đất chuyên màu, đất bãi	L14, L18, L23, L26, ...	05/02/2023-20/02/2023				Gieo hạt
Đậu tương	Đất chuyên màu, đất bãi	DT96, ĐVN, DT2001, ...	05/02/2023-20/02/2023				Gieo hạt

